BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 816 /TTr-BCA	*Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2023*

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật Phòng, chống mua bán người được Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ IX thông qua ngày 29/3/2011, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012. Việc ban hành đạo luật chuyên ngành về phòng, chống mua bán người đánh dấu một bước phát triển trong hoạt động lập pháp của Nhà nước ta nói chung và trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người nói riêng, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong đấu tranh phòng, chống mua bán người, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Bên cạnh đó, việc ban hành Luật Phòng, chống mua bán người còn có ý nghĩa chính trị cả về đối nội cũng như đối ngoại, thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam, góp phần thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong công tác phòng, chống tội phạm mua bán người.

Quá trình triển khai thực hiện Luật Phòng, chống mua bán người thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người được tiến hành đồng bộ với nội dung và hình thức đa dạng phù hợp với các đối tượng tuyên truyền; công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ được triển khai đồng bộ, quyết liệt; công tác phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người đạt được nhiều kết quả tích cực, nhiều đường dây mua bán người đã được triệt phá; công tác tiếp nhận, xác minh và bảo vệ nạn nhân được thực hiện nhanh chóng hơn, bảo đảm quyền của nạn nhân; công tác hỗ trợ nạn nhân được các cấp, các ngành quan tâm, bảo đảm các điều kiện tốt nhất hỗ trợ cho nạn nhân; công tác hợp tác quốc tế đã được tăng cường với nhiều hoạt động song phương, đa phương, trên nhiều diễn đàn trên thế giới và khu vực. Theo kết quả tổng kết

thi hành Luật Phòng, chống mua bán người, công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người, đã đạt được nhiều kết quả, cụ thể là: Từ khi Luật có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2012) đến ngày 15/02/2023, tổng số vụ án về mua bán người được khởi tố 1.744 vụ với 3.059 bị can (các vụ án về mua bán người đều được Viện kiểm sát kiểm sát theo quy định, đạt tỉ lệ 100%); Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo trình tự sơ thẩm 1.661 vụ với 3.209 bị cáo phạm các tội về mua bán người; đã giải quyết, xét xử 1.634 vụ với 3.137 bị cáo (đạt tỉ lệ 98,4% về số vụ và 97,8% số bị cáo). Việc xác định nạn nhân và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần bảo vệ quyền con người và bảo vệ nạn nhân của tội phạm mua bán người. Theo đó, từ năm 2012 đến tháng 02 năm 2023 đã tổ chức tiếp nhận, hỗ trợ 7.962 nạn nhân của tội phạm mua bán người. Từ kết quả nêu trên, việc triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người trong thời gian qua đã giúp kiềm chế sự gia tăng của tệ nạn mua bán người, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường quản lý Nhà nước về phòng, chống mua bán người và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Bên cạnh những thuận lợi và kết quả đã đạt được, sau hơn 10 năm triển khai thi hành, Luật Phòng, chống mua bán người đã bộc lộ một số khó khăn, bất cập trong công tác chỉ đạo điều hành; trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người; trong công tác phòng ngừa, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người; công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; về nguồn lực bảo đảm; trong công tác hợp tác quốc tế về mua bán người và đặc biệt là khó khăn, vướng mắc phát sinh từ các quy định của Luật Phòng, chống mua bán người và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật đã ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người, cụ thể như sau: (1) Do được thông qua từ năm 2011 nên Luật Phòng, chống mua bán người có một số quy định không bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật của Nhà nước ta (không còn phù hợp với quy định của các luật được ban hành sau như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các bộ, ngành có liên quan); (2) Các quy định cụ thể của Luật Phòng, chống mua bán người chưa tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là một bên ký kết liên quan đến mua bán người; (3) Các căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để họ hưởng các chế độ hỗ trợ chưa phù hợp với thực tiễn, dẫn đến khó khăn về chi trả

kinh phí thực hiện tiếp nhận nạn nhân bị mua bán; (4) Chế độ hỗ trợ nạn nhân chưa phù hợp với thực tiễn: Chỉ quy định nạn nhân được hỗ trợ về tâm lý trong thời gian cư trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, trong khi nhiều nạn nhân thường trở về với những sang chấn về mặt tâm lý, hoảng loạn, lo lắng bị trả thù sau khi cung cấp lời khai cho cơ quan chức năng hoặc khi trở về địa phương bị kỳ thị, xa lánh cũng rất cần được hỗ trợ tâm lý; chỉ có nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được xem xét hỗ trợ văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu; mức chi hỗ trợ khó khăn ban đầu cho nạn nhân còn thấp, chưa đảm bảo cuộc sống khi về địa phương hòa nhập cộng đồng, trong khi đó các quy định về trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ chưa được quy định cụ thể trong Luật nên áp dụng chưa thống nhất…; (5) Những người đang trong thời gian xác minh là nạn nhân cần phải được hưởng một số chế độ hỗ trợ thiết yếu (ăn, mặc, ở, y tế, chi phí đi lại; hỗ trợ tâm lý…) và thực tiễn các cơ quan chức năng đã tổ chức hỗ trợ các đối tượng này nhưng chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện các chế độ nêu trên; (6) Nhiều quy định pháp luật về phòng, chống mua bán người không còn phù hợp, mâu thuẫn với các luật có liên quan, dẫn đến khó khăn trong thực hiện (như chưa có quy định về chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người nước ngoài, nạn nhân là người dân tộc thiểu số trong quá trình tiếp nhận nạn nhân lấy lời khai hoặc trong hỗ trợ nạn nhân lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội).

Những tồn tại, khó khăn nêu trên đã ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác phòng, chống mua bán người và đặt ra vấn đề cần sửa đổi Luật. Do đó việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống mua bán người là cần thiết với những lý do cụ thể như sau:

Một là, thể chế hóa quan điểm của Đảng về công tác phòng, chống mua bán người

Ngày 16/8/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 13-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới (Kết luận số 13-KL/TW); theo đó, Kết luận đã xác định nhiệm vụ nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị là: "*Tích cực tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; tội phạm lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.;... tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người, tội phạm mua bán người, xâm hại trẻ em...* "; đồng thời, cùng với nhiệm vụ này Kết luận cũng đã đưa ra nhiệm vụ trong công tác hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm trong đó có tội phạm mua bán người đó là: "*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm; kết hợp giữa cải cách tư pháp với cải cách hành chính*".

Hai là, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật

Để triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 nhà nước ta đã ban hành nhiều bộ luật, luật có liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật trợ giúp pháp lý năm 2017,... trong khi đó các văn bản điều chỉnh công tác phòng, chống mua bán người đa số được ban hành trước thời điểm ban hành các văn bản này. Đồng thời, để phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì những quy định liên quan quyền con người, quyền công dân bị hạn chế từ các văn bản dưới luật sẽ phải rà soát để quy định trong luật.

Nạn nhân mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người được xác định theo quy định tại Điều 119, Điều 120 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23/7/2013 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người, mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; tuy nhiên, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội phạm mua bán người (Điều 150 và Điều 151 và Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự) có sự thay đổi. Do vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung các căn cứ xác định nạn nhân cho phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ba là, để giải quyết những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện Luật Phòng, chống mua bán người

- Luật Phòng, chống mua bán người chưa có quy định về chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người nước ngoài, nạn nhân là người dân tộc thiểu số trong quá trình tiếp nhận nạn nhân, lấy lời khai hoặc trong hỗ trợ nạn nhân lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội.

- Thực tiễn hiện nay, những người đang trong quá trình xác định là nạn nhân chưa có quy định để hưởng các chế độ, chính sách; trong thời gian chờ xác minh là nạn nhân này cũng cần được hưởng một số chế độ thiết yếu, thực tế các cơ quan chức năng đã phải tổ chức hỗ trợ những thiết yếu cơ bản như: Ăn, mặc, chi phí đi lại, y tế... nhưng khi xác minh không đủ điều kiện xác định là nạn nhân dẫn đến khó khăn về chi trả kinh phí đã được thực hiện.

- Chế độ hỗ trợ nạn nhân chưa phù hợp với thực tiễn: Chỉ quy định nạn nhân được hỗ trợ về tâm lý trong thời gian cư trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, trong khi nhiều nạn nhân thường trở về với những sang chấn về mặt tâm lý, hoảng loạn, lo lắng bị trả thù sau khi cung cấp lời khai cho lực lượn Công an,

Bộ đội Biên phòng hoặc khi trở về địa phương bị kỳ thị, xa lánh cũng rất cần được hỗ trợ tâm lý; chỉ có nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được xem xét hỗ trợ văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu; mức chi hỗ trợ khó khăn ban đầu cho nạn nhân còn thấp, chưa đảm bảo cuộc sống khi về địa phương hòa nhập cộng đồng…

Vì những lý do nêu trên, việc sửa đổi Luật Phòng, chống mua bán người là yêu cầu cấp thiết, khách quan, nhằm khắc phục hạn chế, khó khăn hiện nay, bảo đảm đáp ứng tốt hơn yêu cầu đẩy mạnh phòng, chống mua bán người trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Hoàn thiện pháp luật phòng, chống mua bán người, tạo nhận thức thống nhất và đầy đủ về công tác phòng, chống mua bán người trong thời gian tới; nâng cao trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội trong công tác phòng, chống mua bán người; hoàn thiện cơ sở pháp lý trong thực hiện việc hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng

Việc xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) được thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

- Tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về công tác phòng, chống mua bán người; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người.

- Bám sát các nhóm chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua để quy phạm hóa vào dự thảo Luật bảo đảm kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống mua bán người hiện nay và trong những năm tiếp theo; bảo đảm các quy định của Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) mang tính cụ thể, dễ tổ chức thực hiện.

- Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật và thực tiễn công tác phòng, chống mua bán người của một số quốc gia trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam; bảo đảm phù hợp với pháp luật, thông lệ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã thực hiện các trình tự, thủ tục như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gồm đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, do Bộ trưởng Bộ Công an làm Trưởng ban soạn thảo.

2. Xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các chuyên gia pháp luật, nhà khoa học đối với dự thảo Luật.

3. Đăng tải dự thảo văn bản lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

4. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Luật và gửi Bộ Tư pháp để thẩm định.

5. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến của các Thành viên Chính phủ, Bộ Công an đã chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật trình Chính phủ xem xét.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật gồm 8 chương, 64 điều (tăng 06 điều so với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011), trong đó, sửa đổi, bổ sung nội dung 52 điều, xây dựng mới 07 điều, bỏ 01 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 06 điều: từ Điều 1 đến Điều 6);

Chương II. Phòng ngừa mua bán người (gồm 12 điều: từ Điều 7 đến Điều 18);

Chương III. Phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người (gồm 05 điều: từ Điều 19 đến Điều 23);

Chương IV. Tiếp nhận, xác định và bảo vệ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (gồm 11 điều: từ Điều 24 đến Điều 34);

Chương V. Hỗ trợ người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (gồm 10 điều: từ Điều 35 đến Điều 44);

Chương VI. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng chống mua bán người (gồm 14 điều: từ Điều 45 đến Điều 58);

Chương VII. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người (gồm 04 điều: từ Điều 59 đến Điều 62);

Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm Điều 63 và Điều 64).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Về những quy định chung (Chương I)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; các hành vi bị nghiêm cấm; nguyên tắc phòng, chống mua bán người; chính sách của Nhà nước về phòng, chống mua bán người; quyền và nghĩa vụ của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân.

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Chương này giữ nguyên số điều, trong đó sửa đổi, bổ sung 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7), gồm các nội dung chính sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về "Phạm vi điều chỉnh" tại Điều 1; việc sửa đổi nội dung của điều này để phù hợp với bố cục, nội dung được quy định trong Dự thảo Luật này.

- Bổ sung giải thích từ ngữ về "người đang trong quá trình xác định là nạn nhân" và bổ sung đối tượng này trong các quy định tương ứng của dự thảo Luật. Việc bổ sung này nhằm tạo sự thống nhất trong cách hiểu thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo Luật cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và cụ thể hóa nhóm chính sách về quy định chế độ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

- Sửa đổi giải thích từ ngữ về "nạn nhân", "Người thân thích của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân", việc sửa đổi này tạo sự thống nhất trong cách hiểu trong dự thảo Luật và phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật hình sự về mua bán người.

- Bổ sung quyền của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là từ chối biện pháp bảo vệ do cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân khi từ chối biện pháp bảo vệ hoặc không chấp hành đầy đủ các yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ và các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống chống mua bán người. Việc bổ sung này để hoàn thiện quy định về quyền của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân bảo đảm quy định của Hiến pháp năm 2013.

2.2. Về phòng ngừa mua bán người (Chương II); phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người (Chương III)

Các chương này quy định về thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người; tư vấn về phòng ngừa mua bán người; quản lý về an ninh, trật tự; quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ; lồng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; cá nhân tham gia phòng ngừa mua bán người; gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người; nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người; phòng ngừa mua bán người trong các tổ chức, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ; cơ quan thông tin đại chúng tham gia phòng ngừa mua bán người; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia phòng ngừa mua bán người; Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia phòng ngừa mua bán người; tố giác, tin báo, tố cáo hành vi vi phạm; phát hiện hành vi vi phạm thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra; phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm thông qua hoạt động nghiệp vụ phòng, chống tội phạm; giải quyết tin báo, tố giác, tố cáo hành vi vi phạm; xử lý vi phạm.

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, các chương này giữ nguyên về số điều, sửa đổi, bổ sung 08 điều nhằm bảo đảm thống nhất trong quy định của dự thảo Luật về người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và quy định của pháp luật liên quan.

2.3. Về tiếp nhận, xác định và bảo vệ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (Chương IV)

Chương này quy định về tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; xác định nạn nhân bị mua bán trong nước; tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân được giải cứu; tiếp nhận, xác định nạn nhân đang ở nước ngoài; tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân từ nước ngoài trở về; tiếp nhận, xác minh và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam; căn cứ để xác định nạn nhân; giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân; giải cứu, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; đối tượng bảo vệ; các biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng; bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về người đang trong quá trình xác minh là nạn nhân, nạn nhân.

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Chương này bổ sung 01 mục, 03 điều; sửa đổi, bổ sung 08 điều; cụ thể như sau:

- Bổ sung 01 điều (Điều 26) quy định về tiếp nhận, xác định nạn nhân đang ở nước ngoài: (1) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài), khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người, nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ

quan chức năng của Việt Nam ở trong nước trao đổi hoặc do chính họ, người biết việc đến trình báo, thực hiện các công việc sau: Trường hợp có thông tin cho biết người đó chưa được giải cứu thì thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và tổ chức giải cứu nếu xác định nguồn thông tin có căn cứ; trường hợp người đó đã được giải cứu hoặc người tự khai là nạn nhân đến trình báo tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan, phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân và cấp giấy tờ xuất nhập theo quy định; (2) Ngay sau khi nhận được đề nghị xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, các cơ quan chức năng ở trong nước có trách nhiệm tổ chức xác minh, trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và phối hợp tổ chức cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa những người này về nước và giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- Bổ sung 01 điều (Điều 28) quy định về tiếp nhận, xác minh và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam với nội dung cụ thể: (1) Khi nhận được thông tin, tài liệu về người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức trong nước trao đổi hoặc do người biết việc đến trình báo, cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân bị giữ để xác minh, điều tra, giải cứu; trường hợp họ đã được giải cứu hoặc khai là nạn nhân tự trình báo thì Cơ quan Công an, Biên phòng, Cảnh sát biển nơi giải cứu nạn nhân hoặc cơ quan Công an (cấp xã, huyện, tỉnh) nơi tiếp nhận người khai là nạn nhân thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân nếu thấy cần thiết và chuyển ngay người đó đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi họ được giải cứu hoặc nơi gần nhất họ khai báo về việc bị mua bán; trường hợp người được giải cứu có đủ căn cứ xác định nạn nhân thì cơ quan giải cứu cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán trước khi chuyển giao; (2) Cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao khi nhận được công hàm của cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà nạn nhân là công dân (hoặc thường trú) trả lời đồng ý nhận trở về, kèm theo giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh đã được cấp cho nạn nhân, có trách nhiệm thống nhất với phía nước ngoài về thời gian, cửa khẩu, phương tiện chuyên chở nạn nhân về nước (trường hợp phía nước ngoài không bố trí được phương tiện chuyên chở thì có thể đề nghị các tổ chức quốc tế tại Việt Nam hỗ trợ), sau đó thông báo bằng văn bản và chuyển giấy tờ xuất, nhập cảnh của nạn nhân cho Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an; (3) Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện cấp thị thực xuất cảnh, tạm trú cho nạn nhân, thông báo kế hoạch đưa nạn nhân về nước cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đang lưu

giữ nạn nhân; Công an cửa khẩu sân bay quốc tế hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu đường bộ nơi nạn nhân sẽ xuất cảnh; các tổ chức quốc tế (nếu có liên quan) để phối hợp đưa nạn nhân về nước; (4) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lưu giữ nạn nhân chỉ đạo cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân đưa nạn nhân tới cửa khẩu và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đưa nạn nhân về nước và giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- Bổ sung 01 điều (Điều 32) về đối tượng bảo vệ gồm: (1) Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; (2) Người thân thích của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; xác định nạn nhân bị mua bán trong nước; tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân được giải cứu; tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân từ nước ngoài trở về; căn cứ để xác định nạn nhân; giải cứu, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định nạn nhân. Trong đó, tại Điều 29 dự thảo Luật quy định rõ về căn cứ xác định nạn nhân, theo đó, về căn cứ xác định nạn nhân phù hợp với quy định của Điều 150, Điều 151 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự (Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP) theo hướng quy định một người có thể được xác định là nạn nhân khi người đó là đối tượng của việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác theo quy định pháp luật về hình sự để thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP và bổ sung quy định về các nguồn tài liệu, chứng cứ để xác định nạn nhân và một số căn cứ khác để xác định nạn nhân đã được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo vệ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (Điều 33) theo hướng dẫn chiếu pháp luật có liên quan (tố tụng hình sự, tố cáo) và giữ nguyên quy định về một số biện pháp bảo vệ (giữ bí mật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ; giữ bí mật các thông tin về đời tư, đặc điểm nhân dạng, nơi cư trú, làm việc, học tập và các thông tin khác có liên quan đến người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ; hạn chế phạm vi đi lại, giao tiếp của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ; bố trí nơi tạm lánh cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ); thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã,

phường, thị trấn, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Cơ sở bảo trợ xã hội, Giám đốc Cơ sở hỗ trợ nạn nhân; Thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) đối với đối tượng này được quy định tại Nghị định số 62/2012/NĐ-CP.

Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc về tiếp nhận, xác định, xác minh nạn nhân hiện nay, đồng thời, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, thống nhất của pháp luật hình sự về tội phạm mua bán người và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khi Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) có hiệu lực thì các thông tư liên tịch hướng dẫn quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 sẽ bị bãi bỏ).

2.4. Về hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (Chương V)

Chương này quy định về đối tượng và chế độ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ; cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Chương này bổ sung 01 điều về hỗ trợ chi phí phiên dịch nếu là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số; sửa đổi, bổ sung 09 điều; cụ thể như sau:

Sửa đổi, bổ sung chế độ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được hưởng: (1) Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại; (2) Hỗ trợ y tế; (3) Hỗ trợ tâm lý; (4) Trợ giúp pháp lý; (5) Hỗ trợ chi phí phiên dịch trong quá trình xác định nạn nhân; đồng thời, nâng cao hơn chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân so với quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 theo hướng: (1) Tất cả nạn nhân được hỗ trợ các khoản chi phí tiền tàu xe và tiền ăn để trở về nơi cư trú (Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định chỉ nạn nhân không có khả năng chi trả tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường thì mới được hỗ trợ); (2) Cần được chăm sóc y tế để phục hồi sức khỏe thì được xem xét hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh; (3) Được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian 03 tháng; (4) Khi trở về địa phương được xem xét hỗ trợ học nghề, tạo điều kiện để có việc làm, ổn định cuộc sống; (5) Có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh nếu thuộc đối tượng được hưởng các chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì được ưu tiên cho vay vốn theo quy định về chính sách tín dụng; (6) Hỗ trợ chi phí phiên dịch nếu là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số.

Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm cụ thể hóa chính sách về quy định chế độ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và hoàn thiện quy định về quyền của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân bảo đảm khắc phục những bất cập hiện nay, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của

Việt Nam hiện nay cũng như thời gian tới, phù hợp với cam kết của Việt Nam liên quan đến bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân bị mua bán.

2.5. Về quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng, chống mua bán người (Chương VI)

Chương này quy định về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người; trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người; trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp về phòng, chống mua bán người.

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Chương này bổ sung 02 điều; trong đó, 01 điều về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người (Điều 45) gồm: Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch về phòng, chống mua bán người; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người; thực hiện công tác thống kê về phòng, chống mua bán người; đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác phòng, chống mua bán người; nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người; khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phòng, chống mua bán người; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; bổ sung 01 điều quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc tham mưu, đề xuất bố trí, bảo đảm kinh phí phục vụ công tác phòng, chống mua bán người (Điều 56); đồng thời, Chương này sửa đổi, bổ sung 07 điều (các điều 46, 47, 48, 49, 50, 51, 57). Việc sửa đổi, bổ sung này bảo đảm quy định thống nhất trong dự thảo Luật và quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các cơ quan về phòng, chống mua bán người.

2.6. Về hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người (Chương VII)

Chương này quy định về nguyên tắc hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người; thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người; hợp tác quốc tế trong việc giải cứu và hồi hương nạn nhân; tương trợ tư pháp.

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Chương này giữ nguyên về số điều, sửa đổi, bổ sung 02 điều (Điều 59, Điều 60) về nguyên tắc hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người và thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người. Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm bảo đảm quy định thống nhất trong dự thảo Luật và phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật liên quan.

2.7. Về điều khoản thi hành (Chương VIII), bổ sung 01 điều (Điều 63) về sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và sửa đổi, bổ sung quy định về "Hiệu lực thi hành" tại Điều 64 và bỏ Điều quy định về hướng dẫn thi hành (Điều 58 Luật Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011).

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi), Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03(P2).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm